

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2008

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn quản lý vốn đầu tư
thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003; Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ.

Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn như sau:

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng cho các dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân xã) để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình bằng nguồn vốn Ngân sách xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là ngân sách xã). *✍*

Thông tư này không áp dụng cho các dự án, công trình thuộc phạm vi quản lý của xã, phường, thị trấn được hướng dẫn thực hiện tại các văn bản khác của cấp thẩm quyền.

Đối với các dự án được đầu tư bằng các nguồn vốn khác khuyến khích vận dụng theo Thông tư này

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng, trình độ quản lý về đầu tư xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân xã để phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

3. Trước khi phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc dự án đầu tư xây dựng công trình (sau đây gọi chung là dự án đầu tư), Người quyết định đầu tư phải xác định rõ nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư, đảm bảo bố trí đủ vốn để thực hiện dự án không quá 2 năm.

Trường hợp đặc biệt, cấp bách (do thiên tai, hoả hoạn) cần phải khởi công ngay thì dự án đầu tư phải được Thường trực Hội đồng nhân dân xã có ý kiến đồng ý và được Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân huyện) chấp thuận bằng văn bản. Dự án đầu tư thuộc trường hợp này phải có phương án dự kiến nguồn vốn đảm bảo; phải được ưu tiên bố trí vốn ngay khi có nguồn; tránh nợ đọng vốn.

4. Các dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân xã quyết định phê duyệt đầu tư phải nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với các điều kiện phát triển kinh tế xã hội; tuân thủ trình tự, thủ tục về đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Trường hợp dự án đầu tư chưa có trong quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, thì trước khi phê duyệt, dự án đầu tư phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân huyện về quy hoạch.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, phải đảm bảo sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, dân chủ công khai và minh bạch; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

6. Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án được Chủ đầu tư thành lập hoặc tổ chức tư vấn quản lý dự án được Chủ đầu tư thuê để quản lý dự án (sau đây gọi chung là Chủ đầu tư) thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể của Thông tư này.

7. Cơ quan Tài chính các cấp, cơ quan quản lý về đầu tư xây dựng công trình cấp trên theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn Chủ đầu tư tổ chức thực hiện dự án đầu tư. Cơ quan Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ cho các dự án đầu tư khi đã có đủ điều kiện thanh toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định cụ thể của Thông tư này. 4

Phần II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CỦA NGÂN SÁCH XÃ.

1. Vốn ngân sách nhà nước:

- Vốn ngân sách xã chi cho các dự án đầu tư.
- Vốn hỗ trợ của ngân sách nhà nước cấp trên cho các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết định dự án đầu tư của Ủy ban nhân dân xã.
- Các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân trong xã cho từng dự án đầu tư cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua và được đưa vào nguồn thu của ngân sách xã.

2. Các khoản đóng góp tự nguyện và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân (trong và ngoài nước) để đầu tư cho các dự án đầu tư do xã quản lý được thực hiện như sau:

- Trường hợp đóng góp bằng tiền: Ủy ban nhân dân xã thực hiện thu và nộp vào tài khoản Tiền gửi vốn đầu tư thuộc xã quản lý của ngân sách xã mở tại Kho bạc nhà nước

- Trường hợp đóng góp bằng hiện vật:

+ Đối với khoản đóng góp bằng vật tư, công lao động tự nguyện của nhân dân trong xã: căn cứ vào số lượng vật tư, công lao động do người dân đóng góp, giá cả vật tư, giá ngày công lao động tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã xác định giá trị (bằng tiền Việt Nam) để ghi thu nguồn vốn đầu tư và ghi chi cho dự án đầu tư.

+ Đối với khoản đóng góp bằng hiện vật của tổ chức, cá nhân khác để đầu tư cho xã: Ủy ban nhân dân xã thành lập Hội đồng xác định giá trị hiện vật (bằng tiền Việt Nam) để giao cho Chủ đầu tư quản lý; đồng thời ghi thu dự án đầu tư và ghi chi cho dự án đầu tư. Hội đồng xác định giá trị hiện vật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập; thành viên gồm đại diện Chính quyền, Đoàn thể trong đơn vị cấp xã và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

II. LẬP KẾ HOẠCH, THÔNG BÁO KẾ HOẠCH, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ HÀNG NĂM.

1. Lập kế hoạch vốn đầu tư:

- Việc lập kế hoạch vốn đầu tư của Ủy ban nhân dân xã được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 60/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn và các văn bản hướng dẫn hàng năm của Bộ Tài chính. Cụ thể: căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã, Chủ đầu tư lập kế hoạch vốn đầu tư, cùng với thời gian lập dự toán ngân sách xã gửi Ủy ban nhân dân xã. Căn cứ vào nguồn thu của ngân sách xã, Ủy ban nhân dân xã tổng hợp và xem xét trình Hội đồng nhân dân xã thông qua.

kế hoạch vốn đầu tư của xã (theo mẫu số 01/BC-KHĐT). Kế hoạch vốn đầu tư phải đảm bảo các nội dung sau:

- + Tổng số vốn đầu tư trong năm, chia theo từng dự án đầu tư và từng nguồn vốn (nguồn vốn đầu tư từ ngân sách xã; nguồn vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ; nguồn vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong xã; nguồn vốn đóng góp của các tổ chức, cá nhân khác).

- + Các kiến nghị (nếu có).

- Kế hoạch vốn đầu tư của xã sau khi được Hội đồng nhân dân xã thông qua, được gửi đến phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là phòng Tài chính - Kế hoạch huyện). Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổ hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư (theo mẫu số 02/BC-KHĐT).

2. Thông báo kế hoạch vốn đầu tư:

Căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư năm được Hội đồng nhân dân xã thông qua; trên cơ sở nguồn thu của ngân sách xã; nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cấp trên; nguồn vốn huy động đóng góp và khối lượng thực hiện của các dự án đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định thông báo kế hoạch vốn đầu tư, đồng thời gửi Kho bạc nhà nước (nơi mở tài khoản) để làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn cho dự án đầu tư.

3. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm:

- Định kỳ, Ủy ban nhân dân xã rà soát tiến độ thực hiện và mục tiêu đầu tư của các dự án đầu tư trong năm để điều chỉnh kế hoạch theo thẩm quyền, chuyển vốn từ các dự án đầu tư không có khả năng thực hiện sang các dự án đầu tư thực hiện vượt tiến độ, còn nợ khối lượng, các dự án đầu tư có khả năng hoàn thành vượt kế hoạch trong năm. Việc điều chỉnh kế hoạch phải đảm bảo cho kế hoạch của dự án đầu tư sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn Kho bạc nhà nước đã thanh toán cho dự án đầu tư đó.

- Thời hạn điều chỉnh kế hoạch hàng năm kết thúc chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch.

III. TẠM ỨNG, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH.

1. Mở tài khoản:

- Chủ đầu tư mở tài khoản cấp phát vốn đầu tư thuộc ngân sách cấp xã tại Kho bạc nhà nước (nơi mở tài khoản giao dịch của ngân sách xã).

- Kho bạc nhà nước hướng dẫn mở tài khoản cho Chủ đầu tư.

2. Hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của dự án đầu tư:

- a) Đối với dự án thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

- Văn bản phê duyệt dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư.

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

- Hợp đồng giữa Chủ đầu tư với nhà thầu.

b) Đối với dự án giai đoạn thực hiện đầu tư:

- Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình kèm báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Quyết định phê duyệt dự toán kèm dự toán chi tiết (trường hợp lập dự án đầu tư);

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (gồm đấu thầu, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, tự thực hiện và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt).

- Hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu.

3. Tạm ứng vốn đầu tư xây dựng công trình:

a) Mức vốn tạm ứng:

- Đối với hợp đồng thi công xây dựng: mức vốn tạm ứng tối thiểu bằng 20% giá trị hợp đồng và không vượt kế hoạch vốn năm cho gói thầu.

- Đối với gói thầu mua sắm thiết bị: mức vốn tạm ứng do Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, nhưng nhiều nhất không vượt giá trị hợp đồng và kế hoạch vốn trong năm ghi cho gói thầu.

- Đối với hợp đồng tư vấn: mức vốn tạm ứng theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư với nhà thầu nhưng tối thiểu bằng 25% giá trị hợp đồng.

- Đối với công việc giải phóng mặt bằng: mức vốn tạm ứng theo tiến độ thực hiện trong kế hoạch giải phóng mặt bằng nằm trong phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hồ sơ đề nghị tạm ứng vốn: căn cứ hồ sơ tài liệu ban đầu và mức tạm ứng quy định ở trên; Chủ đầu tư kiểm tra và lập hồ sơ đề nghị tạm ứng gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Chứng từ chuyển tiền; Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong hợp đồng Chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng); kèm các hồ sơ quy định tại Khoản 2 Mục III phần II của Thông tư và gửi đến Kho bạc nhà nước nơi Chủ đầu tư mở tài khoản.

c) Thu hồi vốn tạm ứng:

- Vốn tạm ứng ở các công việc nêu tại Điểm a trên đây được thu hồi qua từng lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng; bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần do Chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu. Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý chặt chẽ, sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm đảm bảo hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Đối với công việc giải phóng mặt bằng: